

Số: 330/2019/QĐST-HNGĐ

*Thuận An, ngày 16 tháng 4 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ  
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 409/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông NNT, sinh năm 1979; thường trú: 64C kp NT, phường LT, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Bà HTTL, sinh năm 1981; thường trú: 64C kp NT, phường LT, thị xã Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông NNT và bà HTTL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng trở nên ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T và bà L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Trong quá trình chung sống, ông T và bà L có 01 con chung tên NHBT, sinh ngày 26/10/2007 và NHTT, sinh ngày 29/02/2000. Ông T và bà L thống nhất: Sau khi ly hôn, bà HTTL sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên NHBT, ông NNT không cấp dưỡng nuôi con.

Con chung tên NHTT đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ông T và bà L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông T và bà L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành tại Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông NNT và bà HTTL.

- Về con chung: Giao con chung tên NHBT, sinh ngày 26/10/2007 cho bà HTTL trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông NNT và bà HTTL chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034894 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- UBND phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương (GCN ĐKKH số 216/1999, quyền số 02, ngày 05/10/1999);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

#### **THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Nhâm**